TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 223/2023/HNGĐ-ST
Ngày 20-6-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ Hoa.

2. Bà Trần Thị Ngọc Hân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 6 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 126/2023/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 67/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 22 tháng 5 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 61/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh năm 1984 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Thành N, sinh năm 1976 (vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp Q, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn ly hôn ngày 03/4/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Lê Thị T trình bày:*

Chị T và anh N bắt đầu chung sống từ năm 2003, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu nhưng sau đó xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống; anh N không quan tâm chăm sóc gia đình, thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng thường xuyên gây gổ. Chị T và anh N đã sống ly thân từ tháng 8 năm 2022 đến nay. Do mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với nhau được nữa nên chị T yêu cầu được ly hôn

với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/8/2004 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/6/2007, hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng cháu Nguyễn Thành T, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Cẩm T đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Thành N trình bày:*

Anh N thống nhất với lời trình bày của chị T về thời gian chung sống và giữa vợ chồng có đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn về vấn đề tiền bạc do anh N thất nghiệp nên vợ chồng thường xuyên gây gổ. Anh N không đồng ý ly hôn với chị T vì anh còn tình cảm với chị T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 con chung đúng như chị T trình bày. Nếu phải ly hôn thì anh N đồng ý để chị T được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Nguyễn Thành T; anh không cấp dưỡng nuôi con. Đối với Nguyễn Thị Cẩm T đã trưởng thành, lao động được nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng, tình cảm không thể hàn gắn được; đối với cháu T hiện đang sống ổn định với chị T và cháu T cũng có nguyện vọng được sống chung với mẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị T yêu cầu ly hôn với anh N và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh N là bị đơn có nơi cư trú tại ấp Q, xã L, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin vắng mặt; anh N đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh N.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh N chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang cấp giấy chứng nhận kết hôn số 106 ngày 27/7/2004 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị T yêu cầu ly hôn vì trong thời gian chung sống giữa chị và anh N xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Anh N không đồng ý ly hôn với chị T, nhưng anh thừa nhận giữa vợ chồng có mâu thuẫn từ đầu năm 2023 về tiền bạc dẫn đến thường xuyên gây gổ nhưng anh không có biện pháp gì để hàn gắn được tình cảm vợ chồng. Trong văn bản thể hiện ý kiến của cháu Nguyễn Thành T là con chung của chị T và anh N cũng xác định là anh N ăn nhậu suốt ngày không chịu đi làm. Quá trình giải quyết, Tòa án đã hai lần tổ chức hòa giải để hàn gắn tình cảm vợ chồng nhưng anh N đều vắng mặt; anh N cũng không tham dự phiên tòa. Do vậy, cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh N đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

- Về nuôi con chung: Chị T và anh N có 02 con chung tên Nguyễn Thị Cẩm T, sinh ngày 19/8/2004 và Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/6/2007. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu T.

Tại khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...".*

Thấy rằng, hiện cháu T đang sống với chị T và nguyện vọng của cháu cũng mong muốn được tiếp tục chung sống với mẹ. Để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Chị T chưa có yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con nên chưa xem xét.

Đối với Nguyễn Thị Cẩm T đã trưởng thành, lao động được, chị T và anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị T, anh N không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Lê Thị T.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T được ly hôn với anh Nguyễn Thành N.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thành T, sinh ngày 21/6/2007 cho chị Lê Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Tạm thời anh Nguyễn Thành N không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Anh Nguyễn Thành N có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

3. Về án phí: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0026996 ngày 03/4/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị T đã nộp xong án phí.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Lê Thị T, anh Nguyễn Thành N được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Tân Thuận Bình, huyện Chợ Gạo, tỉnh Tiền Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Phú